TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦN ĐƯỚC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 22-12-2020
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN ĐƯỚC, TỈNH LONG AN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Võ Thu Xuân
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
1. Ông Nguyễn Văn Hải;
2. Ông Ngô Hoàng Nguyễn.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thanh Tuyền– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Đước.

Ngày 22 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Đước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 389/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Cẩm N, sinh năm 1986; Địa chỉ: Ấp 6, xã P, huyện Cần Đước, tỉnh Long An. (Có mặt)

Bị đơn: Ông Trần Văn V, sinh năm 1972; Địa chỉ: Ấp 6, xã P, huyện Cần Đước, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm N cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án như sau:

Bà N và ông V tổ chức lễ cưới vào năm 2015, có thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã P và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 93, quyển số 01, ngày 14/7/2015. Hôn nhân của vợ chồng bà là tự nguyện, trước khi cưới nhau, bà và ông V có tìm hiểu nhau được hai năm. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 04 năm. Đến năm 2019, bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông V thường xuyên đánh bạc gây nợ, bà N đã phải trả nợ thay cho ông V nhiều lần. Bà N có khuyên ông V nhiều lần nhưng vẫn không có kết quả. Vợ chồng bà đã ly thân với nhau từ cuối năm 2019 cho đến nay. Bà N nhận thấy không còn tình cảm với ông V nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà N và ông V được ly hôn.

Về con chung: bà N và ông V chung sống có một người con chung tên Trần

Quốc Hưng T, sinh ngày 06/02/2016. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: bà N xác định không có.

Về nợ chung: bà N xác định không có.

Bị đơn ông Trần Văn V trình bày tại biên bản hòa giải như sau: Ông V thống nhất với lời trình của bà N về quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn, về thời gian chung sống hạnh phúc, về con chung, tài sản chung, nợ chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn, ông V thống nhất với lời trình bày của bà N, ông V có đánh bạc gây nợ, phải cầm xe. Về việc ly thân, trước giờ vợ chồng ông không có ly thân, do bà N đi làm xa vài tháng mới về một lần, chứ không phải vợ chồng sống ly thân. Ông V cũng có nhiều lần đề nghị hàn gắn tình cảm vợ chồng quay V chung sống với nhau nhưng bà N không đồng ý. Ông V xác định còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng ông ly hôn, ông đồng ý giao con chung cho bà N nuôi dưỡng, ông V không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: ông V xác định không có.

Về nợ chung: ông V xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: bà Nguyễn Thị Cẩm N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn V, ông V có nơi cư trú tại ấp 6, xã P, huyện Cần Đước, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Cần Đước thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Ông Trần Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không rõ lý do, căn cứ Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt ông V.

[2] Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị Cẩm N và ông Trần Văn V có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Phước Đông cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 93, quyển số 01, ngày 14/7/2015, nên xác định hôn nhân giữa bà N và ông V là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà N cho rằng thời gian chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được 04 năm. Nguyên nhân mâu thuẫn, do ông V thường xuyên đánh bạc gây nợ, bà N đã phải trả nợ thay cho ông V nhiều lần. Bà N có khuyên ông V nhiều lần nhưng vẫn không có kết quả. V phía ông V, ông V cũng thống nhất với lời trình bày của bà N về nguyên nhân mâu thuẫn. Mặc dù, ông V trình bày còn tình cảm với bà N nhưng ông V không đưa ra được giải pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng giữa ông và bà N. Tại phiên tòa, bà N vẫn giữ N yêu cầu ly hôn với ông V. Hội đồng xét xử xét thấy cả bà N và ông V đều không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, cũng như duy trì đời sống hôn nhân. Qua đó, có đủ cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa bà N và ông V không còn, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục

đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông V.

[3] Về con chung: trong thời gian chung sống, bà N và ông V có một người con chung tên Trần Quốc Hưng T, sinh ngày 06/02/2016. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Thuận, ông V cũng đồng ý giao cháu Thuận cho bà N nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N, giao cháu Thuận cho bà N nuôi dưỡng. Bà N không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: bà N và ông V không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà N phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 85 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cẩm N về việc yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn V.

Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị Cẩm N được ly hôn với ông Trần Văn V.

Về con chung: giao cho bà Nguyễn Thị Cẩm N nuôi dưỡng người con chung tên Trần Quốc Hưng T, sinh ngày 06/02/2016. Ông Trần Văn V không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: bà Nguyễn Thị Cẩm N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai thu số 0008790 ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Cần Đước sang án phí.

Bản án sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Đước;
- THADS huyện Cần Đước;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Võ Thu Xuân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Võ N Xuân